

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ LỘC
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST

Ngày 10-01-2023

“V/v: anh D ly hôn chị D1”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ LỘC, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Công

Các Hội thẩm nhân dân :

Ông Trần Văn Ngọc

Ông Nguyễn Hữu Tinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền Thương - Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Thiều Thị Lan Anh.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số **65/2022/TLST-HNGĐ** ngày 24 tháng **10** năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Trần Đức D, sinh năm 1983. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn B, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Chị Trần Thị Ngọc D1, sinh năm 1986. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn B, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định.

Chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:

Anh và chị Trần Thị Ngọc D1 đăng ký kết hôn ngày 16 tháng 3 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Nam Định theo đúng quy định của pháp

luật. Trong quá trình chung sống do tính tình không hợp nhau, quan điểm sống bất đồng nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không tìm được tiếng nói chung. Anh D, chị D1 đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2021 cho đến nay, hai bên không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa. Nay anh D xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Trần Thị Ngọc D1.

Về con chung: Anh D, chị D1 có bốn con chung tên là Trần Đức Tuấn A sinh ngày 23/12/ 2007, Trần Khánh L sinh ngày 01/01/2010, Trần Hà M sinh ngày 01/6/2015, Trần Bảo N sinh ngày 05/8/2021. Hiện nay các con chung Trần Đức Tuấn A, Trần Khánh L, Trần Hà M đang ở với bố, con chung Trần Bảo N đang ở với mẹ. Khi ly hôn, anh D đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng ba con chung Trần Đức Tuấn A, Trần Khánh L, Trần Hà M. Cháu Trần Bảo N sẽ do chị D1 nuôi dưỡng. Anh D không yêu cầu chị D1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai ngày 27/10/2022 và ngày 23/11/2022 bị đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị D1 xác nhận về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn anh D khai là đúng. Trong quá trình chung sống giữa chị và anh D do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống hai bên không tìm được tiếng nói chung. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2021 cho đến nay. Từ khi ly thân hai vợ chồng không ai quan tâm tới ai nữa. Tuy nhiên vì các con nên anh D đề nghị ly hôn chị D1 không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị D1 và anh D có 04 con chung là Trần Đức Tuấn A sinh ngày 23/12/2007, Trần Khánh L sinh ngày 01/01/2010, Trần Hà M sinh ngày 01/6/2015, Trần Bảo N sinh ngày 05/8/2021. Sau khi ly hôn, chị D1 có nguyện vọng được nuôi cháu Bảo N, các cháu Tuấn A, Khánh L, Hà M sẽ ở với bố. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung: Tại bản khai ngày 27/10/2022 chị D1 khai giữa chị và anh D không có tài sản chung. Tuy nhiên tại bản khai ngày 23/11/2022 chị D1 thay đổi lời khai cụ thể: Chị D1 khai trong quá trình chung sống giữa chị và anh D có tạo lập được một khối tài sản bao gồm nhà và đất. Tuy nhiên do chị D1 làm ăn thua lỗ nên chị và anh D đã thỏa thuận chị D1 sang tên toàn bộ tài sản chung cho anh D đứng tên và giữ gìn. Chị D1 có quan điểm nếu anh D không giải quyết rõ ràng vấn đề tài sản chung của hai vợ chồng thì chị D không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh D. Về con chung: Căn cứ vào các quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao 03 con chung là Trần Đức Tuấn A, Trần Khánh L, Trần Hà M cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Trần Bảo N cho chị D1 trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Giữa anh D, chị D1 kết hôn với nhau tự nguyện, đã đăng ký kết hôn ngày 16 tháng 3 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Nam Định theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh D, chị D1 do tính tình không hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không tìm được tiếng nói chung. Anh D và chị D1 đều thừa nhận rằng vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2021 cho đến nay không ai còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa. Như vậy, anh D, chị D1 đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc giải quyết cho anh D, chị D1 ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh D và chị D1 có bốn con chung tên là Trần Đức Tuấn A sinh ngày 23/12/2007, Trần Khánh L sinh ngày 01/01/2010, Trần Hà M sinh ngày 01/6/2015, Trần Bảo N sinh ngày 05/8/2021. Hiện nay các con chung Trần Đức Tuấn A, Trần Khánh L, Trần Hà M đang ở với bố, con chung Trần Bảo N đang ở với mẹ. Anh D, chị D1 cùng có quan điểm ba con chung là Tuấn A, Khánh L, Hà M sẽ ở với bố còn cháu Bảo N sẽ ở với mẹ. Xét thấy anh D là người đang trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Tuấn A, Khánh L, Hà M bên cạnh đó các cháu đều có nguyện vọng ở với bố. Cháu Bảo N hiện nay chưa đủ 36 tháng tuổi, ngoài ra chị D1 cũng có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Bảo N. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình thì Tòa án giao cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng các cháu Tuấn A, Khánh L và Hà M. Chị D1 tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bảo N. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở quy định tại Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng cho con: Anh D, chị D1 thống nhất hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[4] Về tài sản chung vợ chồng: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị D1 không làm các thủ tục khởi kiện về tài sản theo quy định của pháp luật, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án. Anh D có nghĩa vụ nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Anh D, chị D1 có quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vĩ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Trần Đức D và chị Trần Thị Ngọc D1.

2. Về con chung: Giao cho anh D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng ba con là Trần Đức Tuấn A sinh ngày 23/12/2007, Trần Khánh L sinh ngày 01/01/2010 và Trần Hà M sinh ngày 01/6/2015. Giao cho chị D1n được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Bảo N sinh ngày 05/8/2021. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở quy định tại Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

3. Án phí: Anh Trần Đức D phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn mà anh D đã nộp 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Lộc theo biên lai số 0004054 ngày 24 tháng 10 năm 2022. Anh D đã nộp xong án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Dương, chị Duyên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Mỹ Lộc;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Lộc;
- UBND xã M;
- Đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thành Công